

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2026

## TỔNG QUAN THỊ TRƯỜNG GIÁ CẢ THÁNG BA VÀ QUÝ I NĂM 2026

Giá xăng dầu trong nước tăng cao theo giá nhiên liệu thế giới, cùng với giá vật liệu xây dựng tăng do chi phí nguyên liệu đầu vào và vận chuyển gia tăng, là những nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3/2026 tăng 1,23% so với tháng trước. So với tháng 12/2025, CPI tháng Ba tăng 2,44% và tăng 4,65% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung quý I năm 2026, CPI tăng 3,51% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 3,63%.

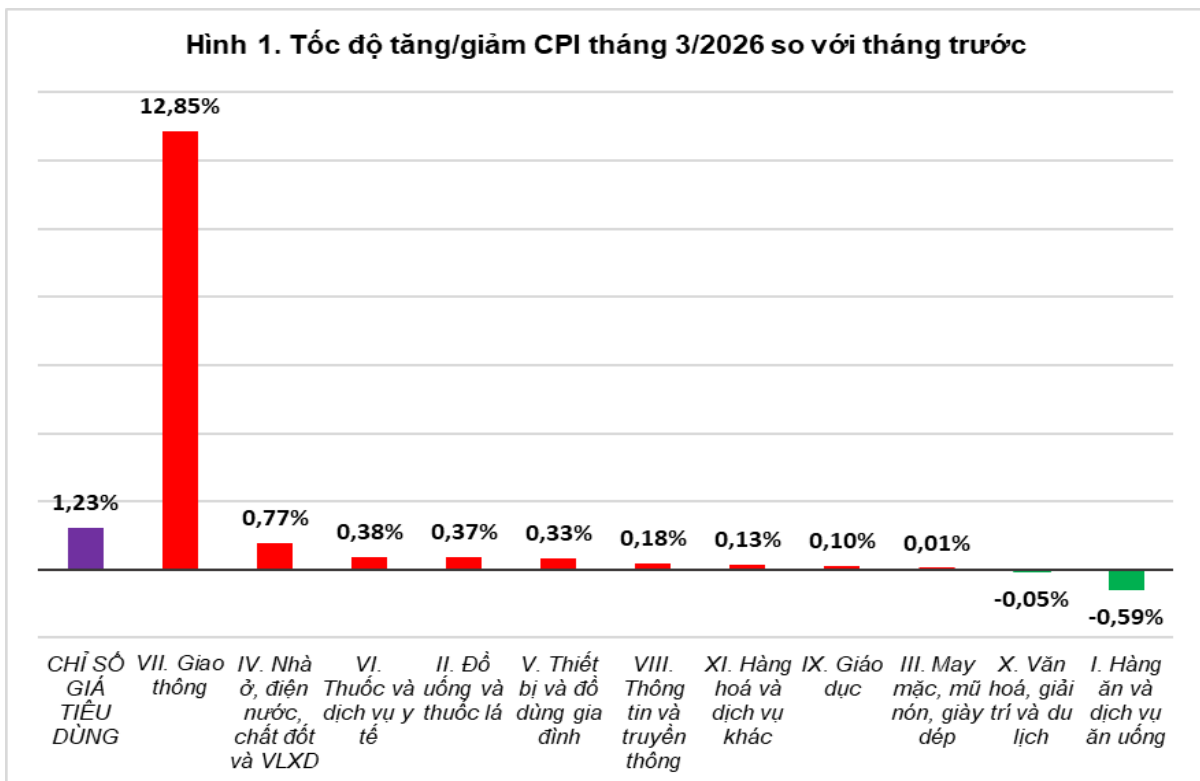
### I. TỔNG QUAN

Trong quý I/2026, thị trường hàng hóa thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp dưới tác động đan xen của các yếu tố địa chính trị, năng lượng và thương mại toàn cầu. Căng thẳng tại một số khu vực, đặc biệt là sự leo thang xung đột quân sự giữa Mỹ, Israel và Iran tại khu vực Trung Đông làm gián đoạn tuyến vận tải quan trọng eo biển Hormuz, qua đó đã đẩy chi phí logistics và giá năng lượng, đặc biệt là dầu thô tăng mạnh. Bên cạnh đó, xu hướng gia tăng các biện pháp bảo hộ thương mại, kiểm soát xuất nhập khẩu và tích trữ hàng hóa chiến lược tại một số quốc gia đã làm gia tăng rủi ro đứt gãy chuỗi cung ứng, gây áp lực lên mặt bằng giá hàng hóa toàn cầu. Mặc dù lạm phát tại nhiều nền kinh tế lớn có xu hướng hạ nhiệt trong những tháng đầu năm, song những biến động địa chính trị từ cuối tháng 02/2026 đã làm gia tăng lo ngại về nguy cơ lạm phát quay trở lại khiến các Ngân hàng Trung ương lớn tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ thận trọng. Tại cuộc họp ngày 18/3/2026, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) quyết định giữ nguyên lãi suất điều hành ở mức 3,5%-3,75% nhằm tiếp tục đánh giá áp lực lạm phát và triển vọng tăng trưởng kinh tế. Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) duy trì lãi suất điều hành ở mức 2%, đồng thời đề ngỏ khả năng điều chỉnh nếu áp lực lạm phát gia tăng trở lại. Ngân hàng Trung ương Anh (BoE) cũng duy trì mặt bằng lãi suất tương đối cao, khoảng 3,75%, nhằm kiểm soát lạm phát trong bối cảnh giá năng lượng biến động. Trong tháng 02/2026, lạm phát của Mỹ tăng 2,4% so với cùng kỳ năm trước; khu vực đồng Euro tăng 1,9%; trong đó Đức tăng 1,9%; I-ta-li-a tăng 1,5%; Pháp tăng 0,9%. Tại châu Á, lạm phát tháng 02/2026 của Phi-lip-pin tăng 2,4%; Hàn Quốc tăng 2%; Trung Quốc tăng 1,3%; trong khi Thái Lan giảm 0,9%. CPI tháng 3/2026 của Việt Nam tăng 4,65% so với cùng kỳ năm trước.

Trong nước, trước bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động và áp lực lạm phát gia tăng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương triển khai đồng bộ nhiều giải pháp nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát và bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế. Công tác điều hành được thực hiện linh hoạt, phối hợp chặt chẽ giữa chính sách tài khóa và tiền tệ; đồng thời đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, nhất là khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa. Đặc biệt, công tác điều hành thị trường xăng dầu được thực hiện chủ động, linh hoạt, bám sát diễn biến giá thế giới và cung cầu trong nước, đồng thời sử dụng Quỹ Bình ổn giá xăng dầu một cách phù hợp để hạn chế biến động giá trong nước, kết hợp với tăng cường hợp tác quốc tế nhằm đa dạng hóa nguồn cung năng lượng. Các địa phương tích cực triển khai các giải pháp hỗ trợ sản xuất, ổn định thị trường trước, trong và sau Tết Nguyên đán. Do đó, thị trường hàng hóa trong nước cơ bản ổn định, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân. Tuy nhiên, áp lực từ chi phí đầu vào, biến động giá năng lượng và rủi ro lạm phát vẫn hiện hữu, đặt ra thách thức cho công tác điều hành trong thời gian tới. Bình quân quý I/2026, CPI tăng 3,51% so với cùng kỳ năm 2025.

## II. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG THÁNG 3/2026

*So với tháng trước*, CPI tháng 3/2026 tăng 1,23% (khu vực thành thị tăng 1,32%; khu vực nông thôn tăng 1,14%). Trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng chính, có 09 nhóm hàng tăng giá và 02 nhóm hàng giảm giá.



*Diễn biến giá tiêu dùng tháng 3/2026 so với tháng trước của các nhóm hàng chính như sau:*

### **1. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống (-0,59%)**

Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tháng 3/2026 giảm 0,59% so với tháng trước, tác động làm CPI chung giảm 0,21 điểm phần trăm, trong đó nhóm lương thực giảm 0,06%, tác động giảm 0,01 điểm phần trăm; nhóm thực phẩm giảm 1,41%, tác động giảm 0,31 điểm phần trăm; ngược lại, nhóm ăn uống ngoài gia đình tăng 1,17%, tác động tăng 0,11 điểm phần trăm.

#### **1.1. Lương thực (-0,06%)**

Chỉ số giá nhóm lương thực tháng 3/2026 giảm 0,06% so với tháng trước, trong đó chỉ số giá nhóm gạo giảm 0,06% (Gạo tẻ thường giảm 0,05%; gạo nếp giảm 0,54%; gạo lứt tẻ giảm 0,18%). Giá gạo trong nước giảm chủ yếu do nguồn cung dồi dào trong thời điểm thu hoạch tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long. Đồng thời, xu hướng giảm của giá gạo xuất khẩu trong bối cảnh nhu cầu thế giới suy yếu và cạnh tranh giữa các nước xuất khẩu gia tăng đã tác động làm chậm hoạt động thu mua, qua đó gây áp lực giảm giá trong nước.

Trong tháng, giá gạo tẻ thường dao động từ 14.800-17.900 đồng/kg; giá gạo Bắc Hương từ 20.900-22.600 đồng/kg; giá gạo tẻ ngon Nàng Thơm chợ Đào từ 22.900-24.100 đồng/kg; giá gạo nếp từ 27.600-36.700 đồng/kg.

Theo đó, giá các mặt hàng lương thực khác giảm như: Giá ngô giảm 3,36% so với tháng trước; khoai giảm 0,81%; sắn giảm 0,42%; miến giảm 0,15%; ngũ cốc khác giảm 0,04%; bún, bánh phở, bánh đa giảm 0,02%.

#### **1.2. Thực phẩm (-1,41%)**

Chỉ số giá nhóm thực phẩm tháng 3/2026 giảm 1,41% so với tháng trước, tập trung chủ yếu ở một số mặt hàng sau:

- Chỉ số giá thịt lợn giảm 2,9% so với tháng trước, tác động làm CPI giảm 0,12 điểm phần trăm. Nguyên nhân chủ yếu do nguồn cung trong nước dồi dào khi hoạt động tái đàn được duy trì ổn định, trong khi nhu cầu tiêu dùng giảm sau Tết Nguyên đán. Tính đến ngày 28/3/2026, giá thịt lợn hơi cả nước dao động trong khoảng 62.000-74.000 đồng/kg. Theo đó, mỡ động vật giảm 3,61% so với tháng trước; nội tạng động vật giảm 1,59%; thịt quay, giò chả giảm 0,87%.

- Chỉ số giá rau tươi, khô và chế biến giảm 3,11% so với tháng trước do nguồn cung dồi dào khi thời tiết thuận lợi, nhiều loại rau vào vụ thu hoạch, sản lượng tăng. Cụ thể giá cà chua giảm 17,54%; bắp cải giảm 6,25%; su hào giảm 3,91%; rau muống giảm 2,59%; khoai tây giảm 2,76%; đỗ quả tươi giảm 1,76%; rau dạng củ, quả khác giảm 2,23%.

- Chỉ số giá trứng các loại giảm 3,56% so với tháng trước do nhu cầu tiêu dùng thực phẩm giảm sau Tết, nhất là từ các cơ sở sản xuất bánh kẹo và bếp ăn tập thể, trong khi nguồn cung duy trì ổn định khiến cung vượt cầu.

- Chỉ số giá quả tươi, chế biến giảm 2,71% do nhu cầu tiêu dùng hạ nhiệt sau cao điểm Tết Nguyên đán, kết hợp với nguồn cung dồi dào khi nhiều loại trái cây vào vụ thu hoạch. Trong đó, giá chuối giảm 5,24%; xoài giảm 3,21%; táo giảm 0,45%; quả tươi khác giảm 3,38%.

- Chỉ số giá thịt gia cầm giảm 1,4% so với tháng trước, trong đó giá thịt gà giảm 1,48%; thịt gia cầm khác giảm 1,13%; thịt gia cầm đông lạnh giảm 0,99%.

- Chỉ số giá thủy sản tươi sống giảm 0,81%; thủy sản chế biến giảm 0,24%.

Ở chiều ngược lại, một số mặt hàng có chỉ số giá tăng: Chỉ số giá sữa, bơ, phô mai và đồ gia vị cùng tăng 0,6% so với tháng trước; chè, cà phê, ca cao và bánh, mứt, kẹo cùng tăng 0,48%; đường mật tăng 0,35%; nước mắm, nước chấm tăng 0,46%.

### **1.3. Ăn uống ngoài gia đình (+1,17%)**

Chỉ số giá nhóm ăn uống ngoài gia đình tháng 3/2026 tăng 1,17% so với tháng trước, chủ yếu do chi phí đầu vào tăng, đặc biệt là giá nhiên liệu, làm tăng chi phí chế biến và vận chuyển. Cùng với đó, chi phí vận hành như tiền thuê mặt bằng và nhân công thường được điều chỉnh sau Tết khiến giá dịch vụ tăng. Trong đó, chỉ số giá ăn ngoài gia đình tăng 1,28% so với tháng trước; uống ngoài gia đình tăng 0,63%; đồ ăn nhanh mang đi tăng 1,02%.

### **2. Đồ uống và thuốc lá (+0,37%)**

Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tháng 3/2026 tăng 0,37% so với tháng trước do chi phí nhập khẩu, sản xuất và phân phối tăng. Trong đó, giá nước quả ép tăng 1,15%; thuốc lá tăng 0,88%; nước tăng lực đóng chai, lon, hộp tăng 0,82%; ngược lại giá rượu bia giảm 0,03% so với tháng trước do nhu cầu giảm sau Tết.

### **3. May mặc, mũ nón, giày dép (+0,01%)**

Chỉ số giá nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tháng 3/2026 tăng 0,01% so với tháng trước. Trong đó, chỉ số giá nhóm dịch vụ giày dép tăng 0,89%; dịch vụ may mặc tăng 0,52%; may mặc khác tăng 0,45%; mũ nón tăng 0,34% do chi phí đầu vào tăng. Ở chiều ngược lại, chỉ số giá quần áo may sẵn và giày dép cùng giảm 0,04% do nhu cầu giảm.

### **4. Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng (+0,77%)**

Chỉ số giá nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tháng 3/2026 tăng 0,77% so với tháng trước, tác động làm tăng CPI chung 0,17 điểm phần trăm, chủ yếu tăng giá ở một số mặt hàng sau:

- Giá dầu hỏa tăng 62,35%, giá gas tăng 5,56% theo xu hướng tăng của giá năng lượng thế giới.

- Giá thuê nhà tăng 0,94% do nhu cầu thuê nhà tăng trở lại sau Tết và nhiều cơ sở cho thuê điều chỉnh mặt bằng giá theo các hợp đồng mới đầu năm, cùng với áp lực chi phí từ việc nâng cấp, cải tạo nhà ở theo quy định. Theo đó, giá dịch vụ sửa chữa nhà ở tăng 1,2% do chi phí nhân công tăng.

- Giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 1,58% do chi phí đầu vào tăng, đặc biệt là giá nguyên, nhiên liệu sản xuất và chi phí vận chuyển, bên cạnh đó nhu cầu xây dựng phục hồi sau Tết đã góp phần đẩy giá các loại vật liệu như cát, đá, xi măng, thép, gạch tăng.

- Giá dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 0,32%; dịch vụ về điện sinh hoạt tăng 0,24%; dịch vụ về nước sinh hoạt tăng 0,13% do điều chỉnh mức thu phí dịch vụ và chi phí cung ứng dịch vụ tăng.

Ở chiều ngược lại, giá điện sinh hoạt giảm 0,39%, nước sinh hoạt giảm 0,15%<sup>1</sup> do sản lượng tiêu thụ giảm.

### **5. Thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,33%)**

Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tháng 3/2026 tăng 0,33% so với tháng trước. Trong đó, một số mặt hàng tăng: Giá hàng thủy tinh, sành, sứ tăng 0,61%; sửa chữa thiết bị gia đình tăng 0,55%; máy điều hòa nhiệt độ tăng 0,45%; xà phòng và chất tẩy rửa tăng 0,43%; quạt điện tăng 0,37%; tủ lạnh tăng 0,25%; giường, tủ, bàn ghế tăng 0,13%. Ở chiều ngược lại, giá thuê người phục vụ giảm 1,23%; nồi điện giảm 0,77%; lò vi sóng, lò nướng, bếp từ giảm 0,76%.

### **6. Thuốc và dịch vụ y tế (+0,38%)**

Chỉ số giá nhóm thuốc và dịch vụ y tế tháng 3/2026 tăng 0,38% so với tháng trước làm CPI chung tăng 0,02 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá nhóm dịch vụ y tế tăng 0,33% do một số địa phương triển khai áp dụng giá dịch vụ y tế mới theo Nghị quyết số 335/NQ-CP ngày 17/10/2025 của Chính phủ về việc tính chi phí quản lý vào giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh. Bên cạnh đó, chỉ số giá nhóm thuốc các loại tăng 0,49% so với tháng trước, chủ yếu do chi phí nhập khẩu nguyên liệu dược và chi phí sản xuất, phân phối tăng. Cụ thể, giá nhóm thuốc giảm đau, hạ sốt tăng 0,72%; thuốc chống dị ứng tăng 0,68%; hoocmon và thuốc tác động vào hệ nội tiết tăng 0,47%; thuốc chống nhiễm, điều trị ký sinh trùng tăng 0,4%; thuốc tim mạch tăng 0,39%.

### **7. Giao thông (+12,85%)**

Chỉ số giá nhóm giao thông tháng 3/2026 tăng 12,85% so với tháng trước, tác động làm CPI chung tăng 1,28 điểm phần trăm, chủ yếu do giá xăng dầu tăng mạnh:

<sup>1</sup> Chỉ số giá điện, nước sinh hoạt tháng 3/2026 phản ánh biến động trễ một tháng so với các mặt hàng khác do được tính dựa trên doanh thu và sản lượng tiêu dùng của tháng 02/2026.

- Chỉ số giá xăng tháng Ba tăng 29,72% so với tháng Hai; chỉ số giá dầu diesel tăng 57,03% do chịu tác động từ đà tăng của giá xăng dầu trên thị trường thế giới trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông làm gia tăng rủi ro gián đoạn nguồn cung toàn cầu.

- Giá xăng dầu tăng cao đã lan tỏa rộng, kéo theo chi phí vận tải tăng, làm giá dịch vụ giao thông công cộng tăng 6,53%. Trong đó, giá vận tải hành khách bằng hàng không tăng 23,19%; đường sắt tăng 13,92%; đường thủy tăng 6,51%; xe buýt tăng 4,32%; đường bộ tăng 2,38%; tắc xi tăng 1,77%; dịch vụ giao nhận hành lý và hành lý ký gửi tăng 1,43%.

- Chỉ số giá nhóm bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 0,72%, trong đó giá dịch vụ sửa chữa xe máy tăng 0,71%; dịch vụ sửa chữa xe đạp tăng 0,81%.

- Chỉ số giá nhóm phụ tùng tăng 0,65% do chịu tác động từ giá nguyên liệu sản xuất và chi phí nhập khẩu tăng, trong đó lốp, săm xe máy tăng 0,71%; phụ tùng khác của xe máy tăng 0,63%; phụ tùng ô tô tăng 0,55%.

Ở chiều ngược lại, giá dịch vụ rửa xe, bơm xe giảm 0,96%; dịch vụ trông giữ xe giảm 0,85%; giá xe ô tô mới giảm 0,38%; xe ô tô đã qua sử dụng giảm 0,19% do nhu cầu giảm sau Tết.

### **8. Thông tin và truyền thông (+0,18%)**

Nhóm thông tin và truyền thông tháng 3/2026 tăng 0,18% so với tháng trước. Trong đó, giá máy vi tính và phụ kiện tăng 0,72%; thiết bị âm thanh tăng 0,54%; sửa chữa điện thoại tăng 0,42%; dịch vụ truyền hình và internet tăng 0,36%. Ở chiều ngược lại, giá máy điện thoại di động thông thường giảm 0,73%; ti vi màu giảm 0,1%; máy điện thoại cố định giảm 0,06%.

### **9. Giáo dục (+0,1%)**

Chỉ số giá nhóm giáo dục tháng Ba tăng 0,1% so với tháng Hai, trong đó dịch vụ giáo dục tăng 0,09% chủ yếu do một số trung tâm gia sư, dạy thêm, học nghề và một số trường tư thục điều chỉnh học phí. Bên cạnh đó, bút viết các loại tăng 0,3%; sản phẩm từ giấy tăng 0,29%; văn phòng phẩm và đồ dùng học tập khác tăng 0,15%.

### **10. Văn hóa, giải trí và du lịch (-0,05%)**

Chỉ số giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tháng 3/2026 giảm 0,05% so với tháng trước, tập trung chủ yếu ở những mặt hàng sau: Giá nhóm cây, hoa cảnh giảm 3,01% do nhu cầu giảm sau Tết; máy ảnh, máy quay video giảm 0,23%; thiết bị thể dục thể thao giảm 0,15%; khách sạn, nhà khách giảm 0,13%.

Ngược lại, giá nhóm du lịch trọn gói tăng 0,81% (du lịch ngoài nước tăng 1,36%; du lịch trong nước tăng 0,72%) do chi phí tổ chức tour tăng, đặc biệt là chi phí di chuyển, lưu trú và dịch vụ du lịch; chụp, in tráng ảnh tăng 0,93%; đồ chơi trẻ em tăng 0,9%; dịch vụ liên quan đến vật nuôi tăng 0,65%.

### **11. Hàng hóa và dịch vụ khác (+0,13%)**

Chỉ số giá nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tháng 3/2026 tăng 0,13%, chủ yếu tăng giá ở một số mặt hàng: Nhóm đồ trang sức tăng 3,33% theo giá vàng trong nước; sửa chữa đồng hồ đeo tay, đồ trang sức tăng 1,15%; đồ dùng cá nhân tăng 0,73%; hiệu hi tăng 0,43%.

Ở chiều ngược lại, dịch vụ phục vụ cá nhân giảm 0,4%; bảo hiểm y tế giảm 0,34% do Phú Thọ triển khai hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh.

### **12. Chỉ số giá vàng (+1,54%)**

Giá vàng trong nước biến động ngược chiều với giá vàng thế giới. Tính đến ngày 28/3/2026, bình quân giá vàng thế giới ở mức 4.909,01 USD/ounce, giảm 2,27% so với tháng 02/2026. Trong tháng 3/2026, giá vàng thế giới giảm mạnh sau giai đoạn tăng cao trước đó do tác động kết hợp của các yếu tố kinh tế và tâm lý thị trường trong bối cảnh địa chính trị phức tạp. Hoạt động chốt lời và rút vốn của nhà đầu tư gia tăng sau đợt tăng giá cuối tháng 02/2026 đã làm áp lực bán trên thị trường vàng tăng lên. Cùng với đó, đồng đô la Mỹ tăng giá và kỳ vọng lãi suất duy trì ở mức cao làm giảm sức hấp dẫn của vàng.

Trong nước, chỉ số giá vàng tháng 3/2026 tăng 1,54% so với tháng trước, chủ yếu do giá vàng được các doanh nghiệp kinh doanh điều chỉnh tăng trong bối cảnh cung cầu thị trường trong nước và yếu tố tâm lý nhà đầu tư mặc dù giá vàng thế giới giảm. So với cùng kỳ năm trước, chỉ số giá vàng tăng 82,77%; so với tháng 12/2025 tăng 18,81%; bình quân quý I/2026, chỉ số giá vàng tăng 82,7%.

### **13. Chỉ số giá đô la Mỹ (+0,72%)**

Giá đô la Mỹ trong nước biến động cùng chiều với giá thế giới. Tính đến ngày 28/3/2026, chỉ số USD trên thị trường quốc tế đạt mức 99,29 điểm, tăng 2,03% so với tháng trước. Nguyên nhân chủ yếu do căng thẳng địa chính trị tại Trung Đông làm gia tăng nhu cầu nắm giữ USD như tài sản an toàn. Bên cạnh đó, giá vàng giảm cũng góp phần thúc đẩy dòng vốn chuyên sang đồng USD. Việc FED duy trì lãi suất điều hành ở mức 3,5%-3,75% trong cuộc họp ngày 18/3/2026 cũng góp phần hỗ trợ đồng USD tăng giá.

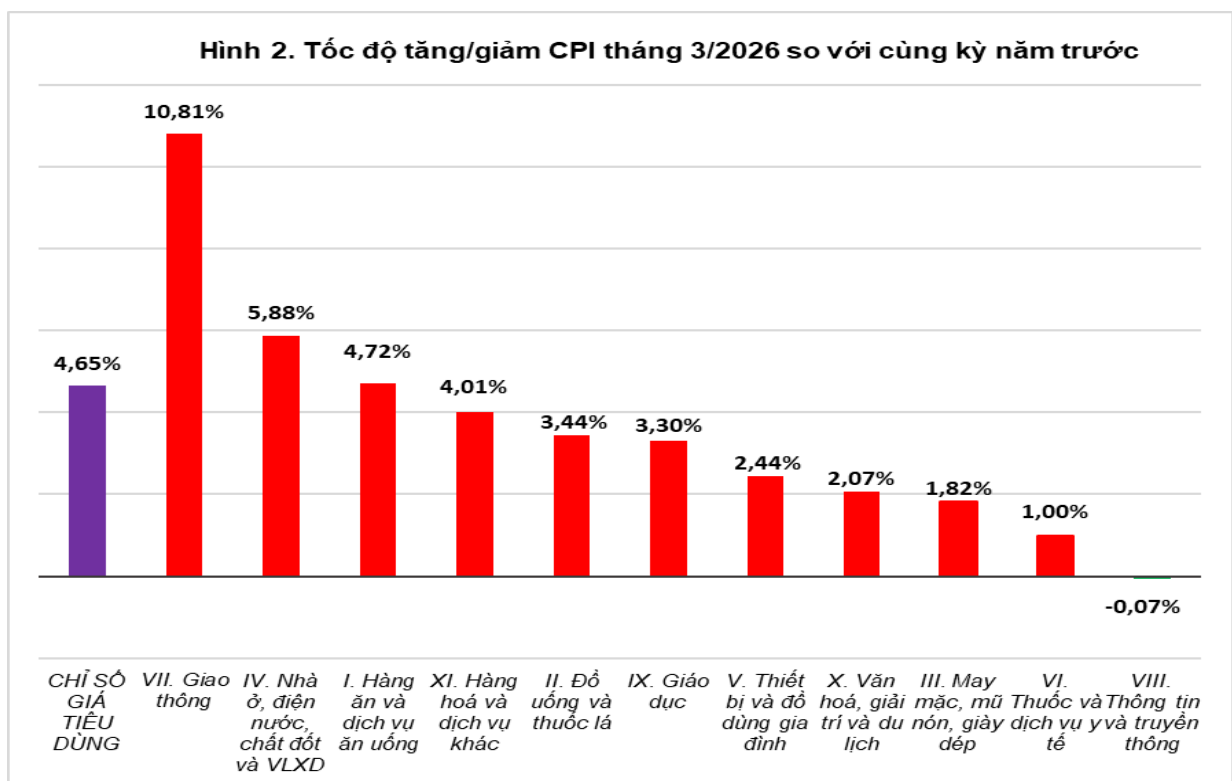
Trong nước, giá đô la Mỹ bình quân trên thị trường tự do quanh mức 26.315 VND/USD. Chỉ số giá đô la Mỹ tháng 3/2026 tăng 0,72% so với tháng trước; tăng 2,25% so với cùng kỳ năm trước; giảm 0,47% so với tháng 12/2025; bình quân quý I/2026, chỉ số giá đô la Mỹ tăng 2,58%.

**Bảng 1. Tốc độ tăng/giảm CPI tháng Ba từ năm 2022 đến năm 2026**

*Đơn vị tính: %*

	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
CPI tháng 3 so với tháng trước	0,70	-0,23	-0,23	-0,03	1,23
CPI tháng 3 so với cùng kỳ năm trước	2,41	3,35	3,97	3,13	4,65
CPI tháng 3 so với tháng 12 năm trước	1,91	0,74	1,12	1,30	2,44
CPI bình quân quý I so với cùng kỳ năm trước	1,92	4,18	3,77	3,22	3,51

*So với cùng kỳ năm trước*, CPI tháng 3/2026 tăng 4,65%. Trong 11 nhóm hàng tiêu dùng chính có 10 nhóm tăng giá, riêng nhóm thông tin và truyền thông giảm 0,07% do giá các thiết bị điện tử, viễn thông có xu hướng giảm theo chu kỳ công nghệ.



Các nhóm hàng có chỉ số giá tháng 3/2026 tăng so với cùng kỳ năm trước:

- Nhóm giao thông tăng cao nhất với 10,81%, tác động làm CPI chung tăng 1,08 điểm phần trăm. Trong đó, giá nhiên liệu tăng 21,6%, do xăng A95 tăng 3.910 đồng/lít; xăng E5 tăng 3.290 đồng/lít và dầu diezen tăng 17.230 đồng/lít.

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 5,88%, tác động làm CPI chung tăng 1,33 điểm phần trăm. Trong đó, giá nhà ở thuê tăng 6,21% do chi phí quản lý, vận hành tăng; vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 13,46%; giá gas và các loại chất đốt khác tăng 2,97%; dịch vụ vệ sinh môi trường tăng 4,93%.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,72% tác động làm CPI chung tăng 1,69 điểm phần trăm, trong đó giá nhóm lương thực tăng 0,72%; thực phẩm tăng 4,69%; ăn uống ngoài gia đình tăng 6,58% do chi phí nguyên nhiên vật liệu đầu vào và quản lý tăng.

- Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 4,01% tác động làm CPI chung tăng 0,14 điểm phần trăm, chủ yếu do nhóm hàng hóa và dịch vụ cho cá nhân tăng 7,08%; vật dụng, dịch vụ về hiếu hỉ tăng 3,34%.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 3,44%, tác động làm CPI chung tăng 0,06 điểm phần trăm.

- Nhóm giáo dục tăng 3,3%, tác động làm CPI chung tăng 0,2 điểm phần trăm do một số trường dân lập, tư thục, nghề điều chỉnh giá học phí năm học 2025-2026 mặc dù các trường công lập đã được miễn, giảm và hỗ trợ học phí theo Nghị định số 238/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 2,44%, tác động làm CPI chung tăng 0,13 điểm phần trăm. Trong đó, giá sửa chữa thiết bị trong gia đình tăng 3,5%; xà phòng và chất tẩy rửa tăng 3,3%; hàng thủy tinh, sành, sứ tăng 3,08%.

- Nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng 2,07%; nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,82%.

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 1%, làm CPI chung tăng 0,05 điểm phần trăm, chủ yếu do chi phí nhập khẩu nguyên liệu đầu vào, chi phí sản xuất và phân phối tăng làm tăng giá thuốc và thiết bị y tế.

**So với tháng 12/2025**, CPI tháng Ba tăng 2,44%, trong đó 11 nhóm hàng đều tăng giá, cụ thể:

- Nhóm giao thông tăng cao nhất với 11,59% chủ yếu do giá xăng dầu trong nước được điều chỉnh tăng trong tháng 3/2026.

- Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 2,14% do nhu cầu tiêu dùng tăng cao vào dịp Tết Nguyên đán.

- Nhóm nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 2,04% chủ yếu do giá nhà ở thuê tăng 1,71%; vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 2,87%; gas và các loại chất đốt khác tăng 11,83%.

- Nhóm hàng hoá và dịch vụ khác tăng 1,86% do giá nhóm đồ trang sức tăng theo giá vàng; các dịch vụ cưới hỏi; dịch vụ chăm sóc cá nhân tăng vào dịp Tết.

- Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 1,62% do giá lương thực tăng 1,17%; thực phẩm tăng 0,99% và ăn uống ngoài gia đình tăng 3,35%.

- Nhóm văn hoá, giải trí và du lịch tăng 1,39% do nhu cầu mua sắm, tiêu dùng dịp Tết và du xuân tăng.

- Nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 1,16%, trong đó dịch vụ trong gia đình tăng 4%; đồ dùng trong nhà tăng 1,21% do nhu cầu sử dụng tăng cao.

- Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,8%, trong đó dịch vụ may mặc tăng 2,59%; dịch vụ giày dép tăng 2,23%; vải các loại tăng 1,54%.

- Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,7%, trong đó dịch vụ y tế tăng 0,7%; thuốc các loại tăng 0,74%; dụng cụ y tế tăng 0,47%.

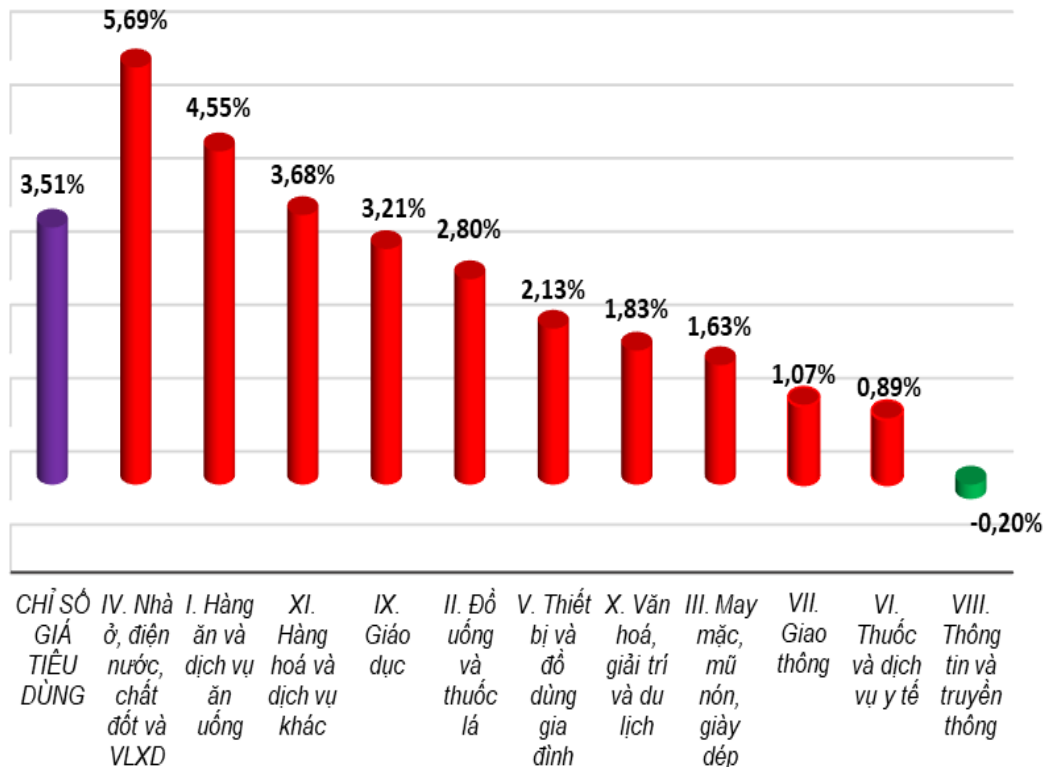
- Nhóm giáo dục tăng 0,24% do trong năm học 2025-2026 một số trường dân lập, tư thục, học nghề, dạy thêm đã điều chỉnh học phí.

- Nhóm thông tin và truyền thông tăng nhẹ 0,04%, chủ yếu do chi phí một số dịch vụ viễn thông điều chỉnh tăng.

### III. CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG QUÝ I NĂM 2026

Chỉ số giá tiêu dùng bình quân quý I/2026 tăng 3,51% so với cùng kỳ năm 2025.

Hình 3. Tốc độ tăng/giảm CPI quý I năm 2026 so với cùng kỳ năm trước



## 1. Yếu tố làm tăng CPI quý I năm 2026

- Chỉ số giá nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng bình quân quý I/2026 tăng 5,69% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung tăng 1,29 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá nhà ở thuê tăng 6,55% do chi phí duy trì và vận hành tăng; vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 12,26% do giá vật liệu xây dựng và nhu cầu xây dựng, sửa chữa nhà ở tăng; giá điện sinh hoạt tăng 5,55% do nhu cầu sử dụng điện tăng và EVN điều chỉnh mức giá bán lẻ điện bình quân từ ngày 10/5/2025.

- Chỉ số giá nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,55%, tác động làm CPI chung tăng 1,63 điểm phần trăm. Trong đó, chỉ số giá nhóm thịt lợn tăng 7,14% tác động làm CPI chung tăng 0,3 điểm phần trăm, chủ yếu do nguồn cung hạn chế trong dịp Lễ, Tết và chi phí chăn nuôi ở mức cao; chỉ số giá thịt gia cầm tăng 4,56%; chỉ số giá ăn uống ngoài gia đình tăng 5,4% do chi phí nguyên liệu và dịch vụ tăng.

- Chỉ số giá nhóm giáo dục tăng 3,21%, làm CPI chung tăng 0,19 điểm phần trăm do một số trường dân lập, tư thục, dạy nghề đã điều chỉnh học phí trong năm học 2025-2026.

- Chỉ số giá nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 2,8%, làm CPI chung tăng 0,05 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 2,13%, làm CPI chung tăng 0,11 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm văn hoá, giải trí và du lịch tăng 1,83%, nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,63%, cùng tác động làm CPI chung tăng 0,06 điểm phần trăm.

- Chỉ số giá nhóm giao thông tăng 1,07%, làm CPI chung tăng 0,11 điểm phần trăm, trong đó giá nhiên liệu tăng 0,23% chủ yếu do giá xăng dầu tăng mạnh trong tháng 3/2026, đảo chiều xu hướng giảm của hai tháng đầu năm so với cùng kỳ năm trước<sup>2</sup>.

## 2. Yếu tố làm giảm CPI trong quý I năm 2026

Chỉ số giá nhóm thông tin và truyền thông quý I/2026 giảm 0,2% so với cùng kỳ năm trước, tác động làm CPI chung giảm 0,01 điểm phần trăm, do giá một số thiết bị công nghệ giảm nhờ nguồn cung dồi dào và cạnh tranh giữa các nhà phân phối gia tăng.

## IV. LẠM PHÁT CƠ BẢN

Lạm phát cơ bản<sup>3</sup> tháng 3/2026 tăng 0,47% so với tháng trước và tăng 3,96% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân quý I/2026, lạm phát cơ bản tăng 3,63% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn mức tăng 3,51% của CPI bình quân chung, chủ yếu do giá lương thực là yếu tố tác động giảm CPI chung nhưng đã được loại trừ trong danh mục tính lạm phát cơ bản.

<sup>2</sup> So với cùng kỳ năm trước, chỉ số giá nhóm nhiên liệu tháng 01/2026 và 02/2026 lần lượt giảm 9,62% và 8,38%, trong khi tháng 3/2026 tăng 21,6%.

<sup>3</sup> CPI sau khi loại trừ lương thực, thực phẩm tươi sống, năng lượng và mặt hàng do Nhà nước quản lý bao gồm dịch vụ y tế và giáo dục.

**Bảng 2. Lạm phát cơ bản tháng Ba và quý I từ năm 2022 đến năm 2026**

	<i>Đơn vị tính: %</i>				
	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
Lạm phát cơ bản tháng 3 so với tháng trước	0,29	0,22	0,03	0,25	0,47
Lạm phát cơ bản tháng 3 so với cùng kỳ năm trước	1,09	4,88	2,76	3,10	3,96
Lạm phát cơ bản quý I so với cùng kỳ năm trước	0,81	5,01	2,81	3,01	3,63

**CỤC THỐNG KÊ**